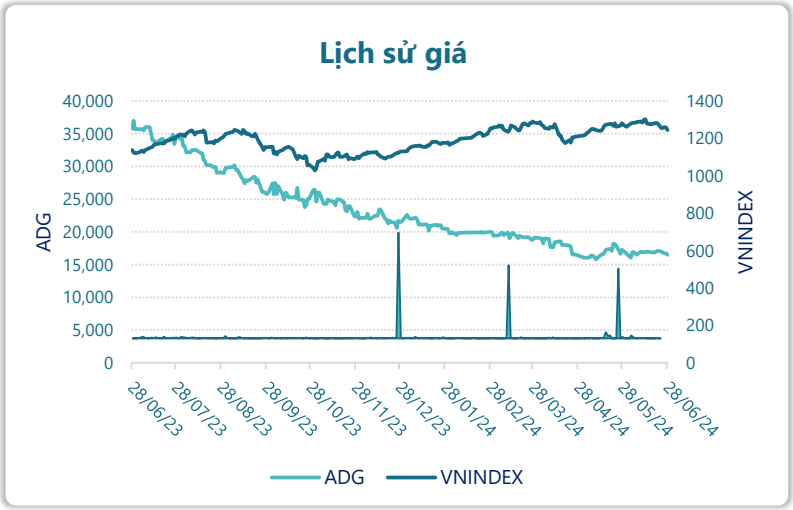
FireAnt

CTCP Clever Group (HSX: ADG)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**16,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	37,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,800
SL cổ phiếu LH	21,380,521
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,595
% sở hữu nước ngoài	47.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	353
P/E	14.4
EPS	1,143

DT thuần

Q2/24

118

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 33.9| 40.8%

YoY: ▲ 19.3| 20.0%

LN sau thuế

Q2/24

11.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 13.8| 717%

YoY: ▲ 4.27| 56.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

13.1%

+/- YoY: ▲ 2.1%

DT thuần

6T 2024

202

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 21.0| 11.9%

LN sau thuế

6T 2024

9.98

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.96| 65.9%

ROE

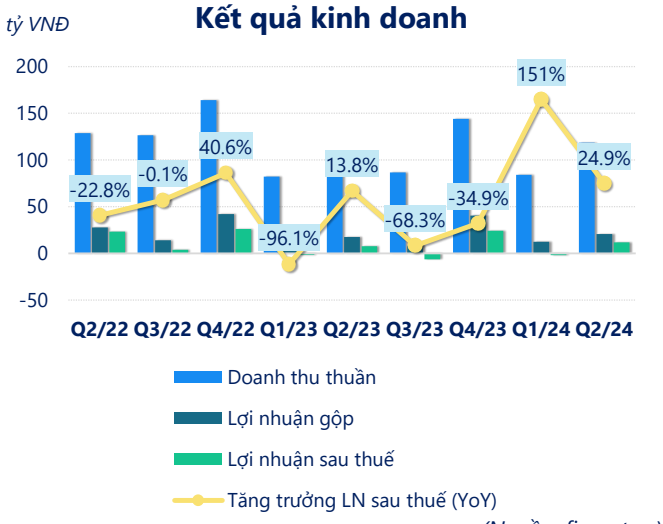
Q2/24

7.1%

+/- YoY: ▼ 3.5%

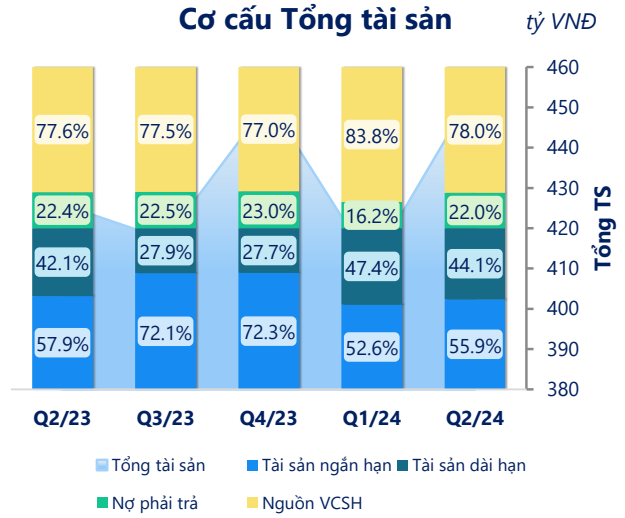
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



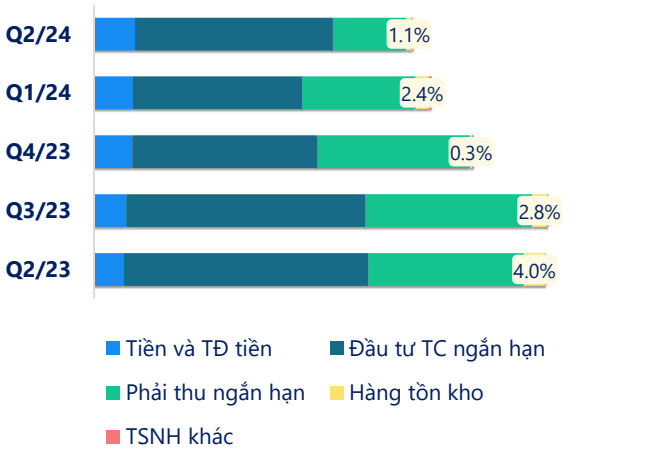
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



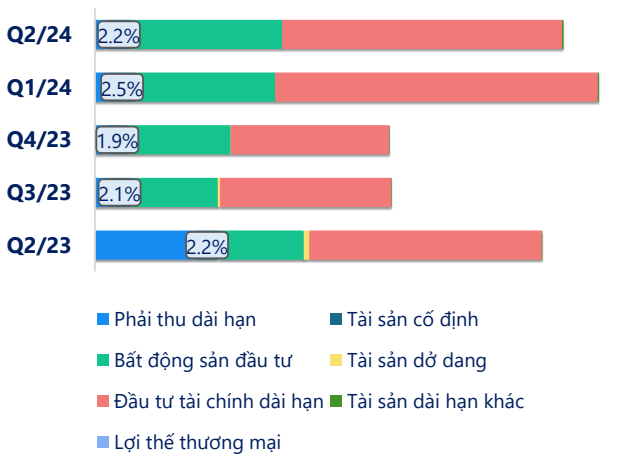
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



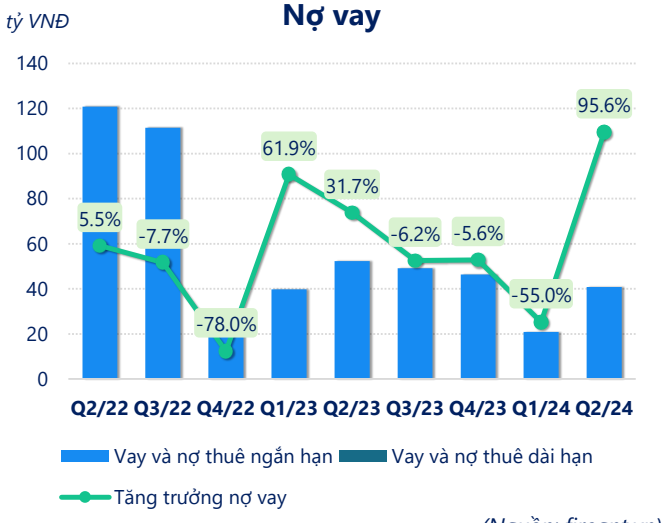
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



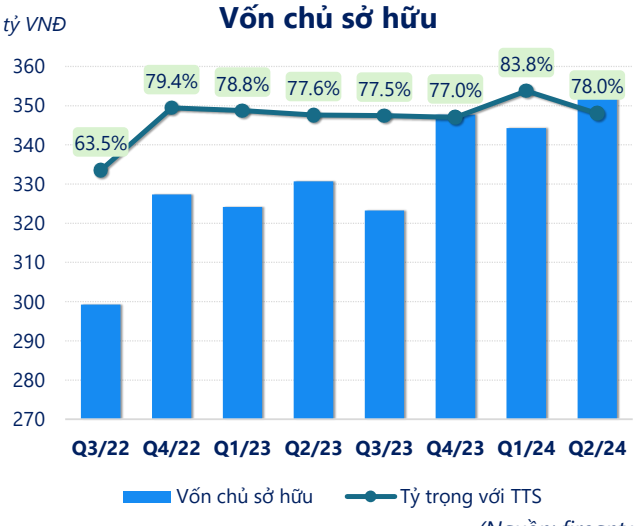
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



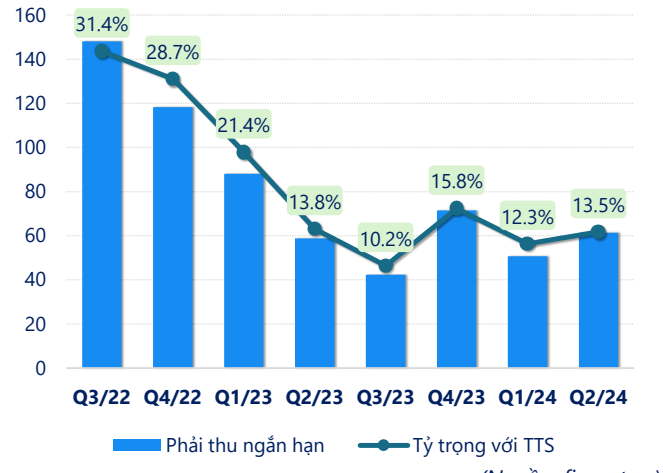
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



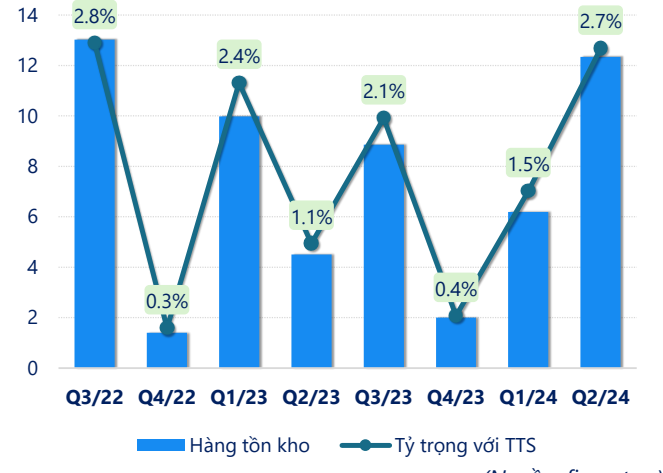
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



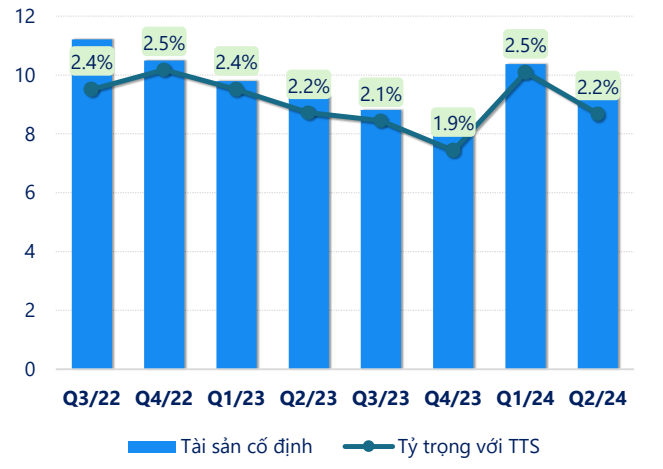
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



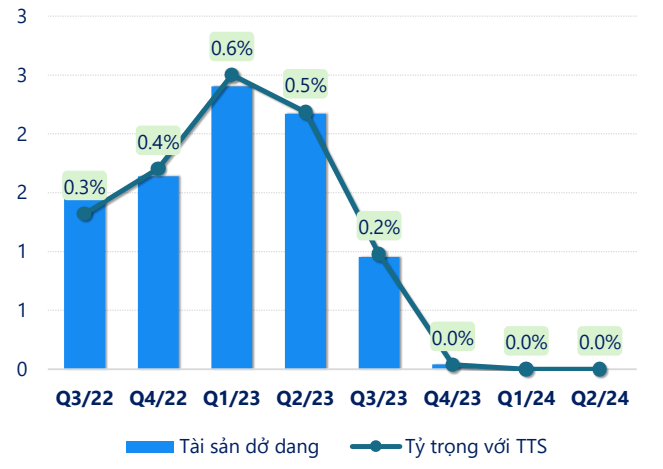
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



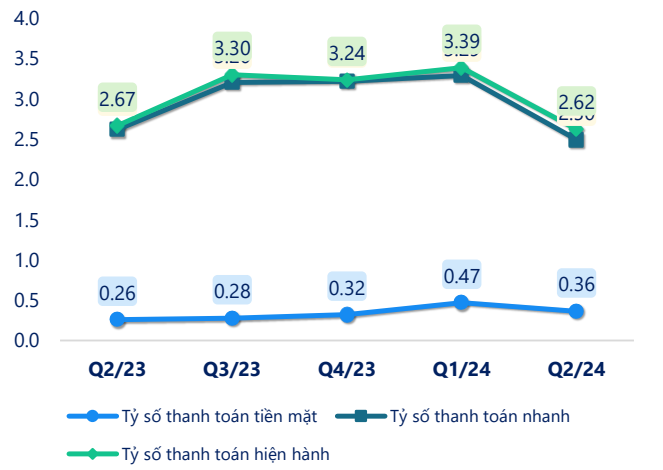
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



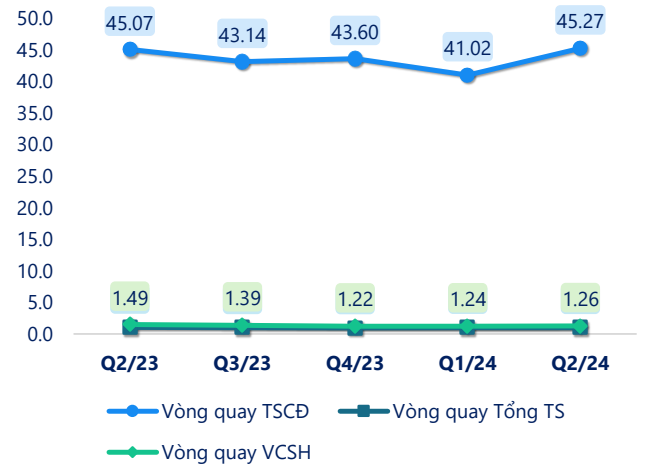
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**426**	**417**	**451**	**411**	**454**
Tài sản ngắn hạn	**247**	**301**	**326**	**216**	**254**
Tiền và tương đương tiền	23.9	25.3	32.5	30.0	35.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	158	223	219	128	145
Phải thu ngắn hạn	58.8	42.3	71.4	50.7	61.4
Hàng tồn kho	4.51	8.86	2.01	6.19	12.3
Tài sản ngắn hạn khác	1.10	1.37	1.26	1.31	0.53
Tài sản dài hạn	**179**	**116**	**125**	**195**	**200**
Phải thu dài hạn	40.3	5.26	5.30	5.30	5.30
Tài sản cố định	9.28	8.81	8.39	10.4	9.86
Bất động sản đầu tư	34.1	34.1	43.9	54.0	64.8
Tài sản dở dang	2.17	0.95	0.04	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	93.1	67.1	67.2	125	120
Tài sản dài hạn khác	0.30	0.24	0.22	0.38	0.67
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**95.2**	**93.9**	**104**	**66.8**	**99.9**
Nợ ngắn hạn	**92.4**	**91.1**	**101**	**63.8**	**96.9**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	52.3	49.1	46.3	20.8	40.8
Phải trả người bán ngắn hạn	20.0	16.7	25.1	19.2	28.8
Nợ dài hạn	2.80	2.80	2.92	2.94	2.94
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**331**	**323**	**348**	**344**	**355**
Vốn chủ sở hữu	**331**	**323**	**348**	**344**	**355**
Vốn điều lệ	214	214	214	214	214
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)